

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 40 /GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước tại các văn bản số 30/2023/PHC-QLDA ngày 03 tháng 8 năm 2023, văn bản số 53/2023/PHC-QLDA ngày 28 tháng 11 năm 2023, văn bản số 04/2025/PHC-QLDA ngày 16 tháng 01 năm 2025 và văn bản số 10/2025/PHC-QLDA ngày 31 tháng 3 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 102/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc cấp phép môi trường cơ sở “Khu dân cư Thang Long Home – Hiệp Phước” tại thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước, địa chỉ tại Nhà điều hành Dự án Khu dân cư Thang Long Home - Hiệp Phước, đường Tôn Đức Thắng, khu phố Phước Lai, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khu dân cư Thang Long Home - Hiệp Phước” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu dân cư Thang Long Home - Hiệp Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 2461475605, chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603148844.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của cơ sở 98.067,9 m².

Quy mô dân số 3.350 người và tổng số căn hộ là 1.219 căn, trong dự án còn bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng công trình an sinh xã hội khác nhằm phục vụ dân cư trong nội khu và dân cư của các khu vực xung quanh như: công trình giáo dục, công viên cây xanh.

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, bao gồm: đường giao thông, hệ thống cấp nước – phòng cháy chữa cháy, hệ thống thoát nước; hệ thống cấp điện - chiếu sáng, thông tin; công trình xử lý nước thải.

+ Xây dựng trường mầm non phục vụ cho con em các hộ dân trong dự án.

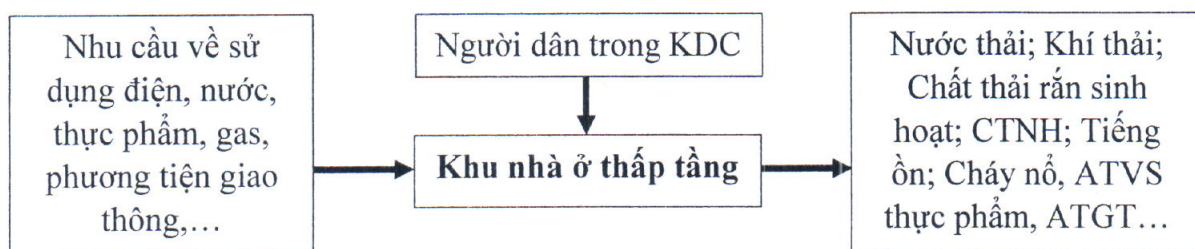
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

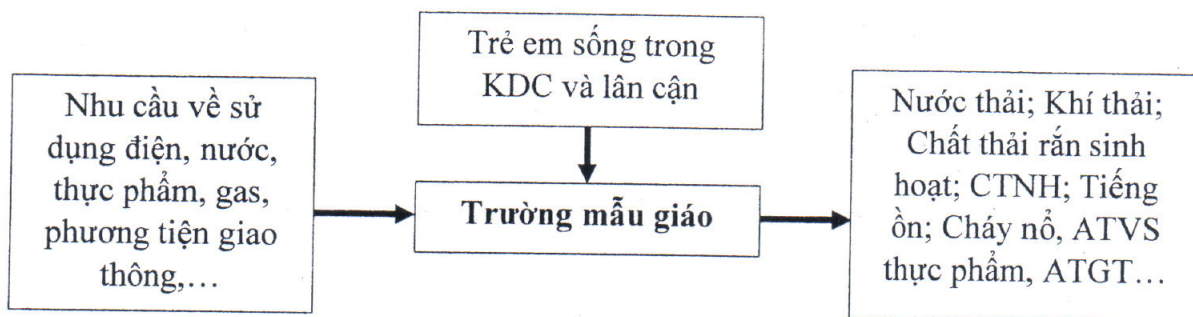
- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: Tại thời điểm xin cấp giấy phép, cơ sở đã đưa vào hoạt động khu nhà ở thấp tầng (quy mô dân số 978 người với tổng số 227 căn nhà) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trường mẫu giáo dự kiến đưa vào vận hành vào năm 2026.

+ Quy trình vận hành khối nhà ở thấp tầng:



+ Quy trình vận hành trường mẫu giáo:



2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 08 tháng 4 năm 2035).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Thăng Long Hiệp Phước;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Nai;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40/GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ 227 hộ dân đang sinh sống;
- Nguồn số 02: Nước thải từ hạng mục trường mẫu giáo;

Tổng lưu lượng khoảng 183,2 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rạch Bà Ký và chảy ra sông Thị Vải đoạn thuộc xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Rạch Bà Ký, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: (theo tọa độ VN2000, múi chiều 3⁰): X = 1187721; Y = 412896.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày đêm (8,33m³/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý được dẫn vào hố ga thoát nước thải (bố trí cạnh nhà điều hành) và thoát xuống rạch Bà Ký bằng đường ống đường kính 114mm tại thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, cuối cùng thoát vào sông Thị Vải đoạn thuộc xã Long Thọ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 (đến ngày 31/8/2025); từ ngày 01/9/2025 đạt theo QCVN 14:2025/BTNMT, bảng 2, cột A cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
			Đến ngày 31/8/2025	Từ ngày 01/9/2025		
1	pH	-	5-9	6 - 9	03 tháng/ lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5, 20 °C)	mg/L	50	≤ 30		
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	-	≤ 80		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	≤ 50		
5	Amoni (N- NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	10	≤ 6,0		
6	Tổng Nitơ (T- N)	mg/L	-	≤ 25		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	-	≤ 4,0		
8	Tổng Coliform	MPN/100 mL	5.000	≤ 3 000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	4,0	≤ 0,2		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20	≤ 10		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	10	≤ 3,0		
12	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000	-		
13	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	50			
14	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	10			

(-): không thực hiện.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải và nước mưa của khu dân cư được tách riêng.
- Hệ thống thoát nước thải của khu dân cư được xây dựng bằng cống tròn, cấu tạo của cống là BTCT đi qua tất cả các lô nhà trong khu dân cư để thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Các hố ga được bố trí bên tuyến cống, đặt dọc theo hai bên đường, khoảng cách trung bình 40m. Tuyến cống đơn giản,

kết hợp tận dụng triệt để độ dốc mặt đất tự nhiên, mặt đường tạo thành mạng lưới đảm bảo thoát nước nhanh nhất.

- Hệ thống thu gom nước thải được xây dựng ngầm dưới đất, thiết kế tự chảy. Các tuyến cống nhánh đi vuông góc với các tuyến cống chính chạy trên các trục đường.

- Nước thải đi theo các đường ống được thu gom vào hệ thống cống thoát nước riêng sau đó đầu nối với tuyến cống chính Φ 500 được đặt dọc theo đường ven kênh ở phía Đông khu quy hoạch và được đưa về trạm xử lý nước bẩn đặt ở phía Đông dự án (theo quy hoạch chi tiết 1/2.000 khu dân cư ngã tư Hiệp Phước - Nhơn Trạch đã được phê duyệt), có công suất là $Q = 200 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải sau khi được xử lý đạt chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K=1,0$ (đến ngày 31/8/2025); từ ngày 01/9/2025 đạt QCVN 14:2025/BTNMT, bảng 2, cột A, nước thải sẽ theo hệ thống cống thoát nước thải thoát ra rạch Bà Ký đến nơi tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ Bể gom $\rightarrow$ Bể điều hoà $\rightarrow$ Bể anoxic $\rightarrow$ Bể aerotank $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Bể lọc áp lực $\rightarrow$ Hồ ga thoát nước $\rightarrow$ Rạch Bà Ký.

- Công suất thiết kế: $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin 18 kg/tháng (hoặc các hóa chất tương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất, bố trí đầy đủ thiết bị thay thế, thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận hành; thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Trong trường hợp sự cố hệ thống, toàn bộ nước thải được thu gom về bể điều hòa để khắc phục sự cố, tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày và vị trí xả nước thải (vị trí được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

a) Thông số: pH, Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD₅, 20°C), Nhu cầu ôxy hóa học (COD), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (N- NH₄⁺), Tổng Nitơ (T- N), Tổng Phốt pho (T-P), Tổng Coliform, Sunfua (S²⁻), Dầu mỡ động, thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng chất rắn hòa tan, Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻).

b) Giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 và QCVN 14:2025/BTNMT, bảng 2, cột A.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; điểm xả nước thải sau xử lý phải thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý và lượng nước sạch sử dụng; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu chí thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các bể chức năng trong quy trình xử lý đủ khả năng lưu chứa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.5. Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các bể chứa nước thải đầu vào, đầu ra sau xử lý, các bể xử lý nước thải; trường hợp gặp sự cố Chủ dự án báo cáo ngay cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất.

3.6. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.7. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.

3.8. Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước thải phát sinh không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành ổn định, đúng quy trình kỹ thuật, xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



**Phụ lục 2**

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép xả khí thải theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Trồng cây xanh tại các công trình công cộng, công viên trung tâm, khu thể dục thể thao góp phần cải thiện môi trường và mỹ quan của dự án.

2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải đúng theo cam kết trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.



**Phụ lục 3****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40 /GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	48	NH
2	Thuốc diệt trừ các loài gây hại	16 01 05	Rắn	24	NH
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	6	NH
4	Hóa chất bảo vệ thực vật và diệt trừ các loài gây hại thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng không có gốc halogen hữu cơ	14 01 04	Rắn	60	NH
5	Hóa chất nông nghiệp thải, tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng không có gốc halogen hữu cơ	14 01 07	Rắn	60	NH
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	18	NH
6	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	19 02 05	Rắn	30	NH
Tổng cộng				264	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 10	12.960	TT
2	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 05 07	7.200	TT
	Mực in	Rắn	08 02 06	6	
Tổng khối lượng				20.166	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	277,6
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	85,4
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	64,1
	Tổng khối lượng	427

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ)	14 01 05	Rắn	6
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	6
Tổng				12

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho/Khu vực lưu chứa trong nhà: Bố trí bên cạnh nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải. Nền bê tông cốt thép. Tường và mái được lắp đặt bằng vật liệu thép định hình, bên trong trang bị các thùng chứa chất thải chuyên dụng; thực hiện phân loại, dán mã CTNH, lắp dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu giữ.

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Khoảng 10 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Được chuyển giao cho đơn vị thu gom, tần suất dự kiến 6 tháng/lần hoặc khi đầy.

- Bùn từ bể tự hoại: Người dân tự thuê đơn vị thu gom khi hầm tự hoại phát sinh mùi hôi hoặc có dấu hiệu bị nghẹt.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thùng có nắp đậy tại các khu vực phát sinh.

- Chịu trách nhiệm quản lý, tuyên truyền người dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định về pháp luật bảo vệ môi trường và

Quyết định số 04/2024/UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thiết kế, bố trí đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường theo quy định; Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn người dân thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo quy định.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 40/GPMT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Dự án “Khu dân cư Thang Long Home - Hiệp Phước” tại thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1974/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định 1974/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 cụ thể như sau:

2.1. Các hạng mục công trình của dự án: Tiếp tục xây dựng các khu chung cư F, G1, G2 theo nội dung đã được phê duyệt.

2.2. Công trình bảo vệ môi trường:

- Khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt tại khu F có diện tích khoảng 69m², khu G1 có diện tích khoảng 55m², khu G2 có diện tích khoảng 56m².

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 160m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ khu F.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 70m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ khu G1.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 170m³/ngày đêm để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ khu G2.

2.3. Tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đối với phần đất còn lại của dự án theo các nội dung đã cam kết trong Quyết định 1974/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 09 tháng 6 năm 2021.



D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; công khai Giấy phép môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải của dự án. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0 (đến ngày 31/8/2025); từ ngày 01/9/2025 đạt QCVN 14:2025/BTNMT, bảng 2, cột A; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên cơ sở và đầu nối vào nguồn tiếp nhận; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của Dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

9. Thực hiện các công trình/biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./